

VĂN BIA THỜI MẠC Ở HẢI PHÒNG

ĐC&TĐ. ĐINH KHẮC THUẬN*

1. Khái lược về nguồn tư liệu

Tổng số văn bia mang niên hiệu nhà Mạc hiện biết có khoảng 150 văn bản, trong đó có 22 văn bản được tìm thấy trên đất Hải Phòng ngày nay. Đây là tài liệu quý góp phần nghiên cứu nhiều mặt về đất cố hương và phát tích của nhà Mạc.

Bao gồm: 7 bia ở huyện Kiến Thụy, 7 bia huyện Tiên Lãng, 4 bia huyện Thủy Nguyên, 2 bia huyện An Lão, 1 bia huyện Vĩnh Lại và 1 bia huyện An Dương. Đây là số bia đã được Học viện Viễn đông bác cổ Pháp sưu tập trước năm 1945, hiện văn bản đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ngoài ra, còn có một số bia khác chưa được sưu tập hiện còn ở địa phương, trong đó có một bia đá mới khai quật ở cánh đồng được đưa về nhà thờ họ Mạc, được khắc năm Hồng Ninh thứ 2 (1592). Cũng cần kể đến một số văn bia thời Mạc khác, tuy hiện tại thuộc đất Thụy Anh và Quỳnh Côi tỉnh Thái Bình, nhưng ở ngay sát huyện Kiến Thụy (Hải Phòng), trong đó có tới 3 văn bia do Trịnh Nguyễn Bình Khiêm soạn. Trong số bia trên, đại đa số thuộc về bia chùa, trong đó, chùa Hòa Niếu có 2 bia, ngoài ra có 1 văn bia xây cầu và 1 văn bia văn tử. Sau đây là danh mục 22 bia này:

1. *Bi ký. Bia chùa Cối Sơn, xã Đại Lộc, huyện Kiến Thụy, dựng năm 1572.*

2. *Cối Sơn tự bi ký. Bia chùa Thiên Phúc, xã Hòa Niếu, huyện Kiến Thụy, năm 1562.*

3. *Cúng điền bi. Bia chùa Bà Đanh còn gọi là chùa Thiên Phúc, xã Trà Phương, huyện Kiến Thụy, năm 1579.*

4. *Dương Tân tự bi. Bia chùa Kiến Linh, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, năm 1578.*

5. *Hà Lâu tự bi. Bia chùa Thọ Ninh, xã Đoan Lễ, huyện Thủy Nguyên, năm 1589.*

6. *Hoa Tân tự bi. Bia chùa Minh Phúc, xã Cẩm Khê, huyện Tiên Lãng, năm 1582.*

7. *Hồng Khánh tự điền bi ký. Bia Văn từ hàng huyện ở xã Ninh Duy, huyện Tiên Lãng, năm 1589.*

8. *Hưng tạo Thiên Đông kiều bi. Bia chùa Dương Tân, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, năm 1588.*

9. *Sùng Ân tự bi. Bia chùa Sùng Ân, xã Phú Khê, huyện Tiên Lãng, năm 1578.*

10. *Sùng Quang tự bi. Bia chùa Phổ Chiếu, xã Văn Hòa, huyện Kiến Thụy, năm 1585.*

11. *Tạo Phật Ngọc Hoàng bi. Bia chùa Hoa Tân, xã Bách Phương, huyện An Lão, tỉnh Kiến An, năm 1588.*

12. *Tạo thạch Phật bi. Bia chùa Chuyết Sơn, xã Kinh Lương, huyện Tiên Lãng, năm 1583.*

13. *Tạo Thiên Phúc tự chi bi. Bia chùa Linh Sơn, xã Áng Sơn, huyện An Lão, năm 1562.*

14. *Tiên hiền từ bi. Bia chùa Vĩnh Khánh, xã Bàng Động, huyện Kiến Thụy, năm 1574.*

15. *Trúc Am tự bi. Bia chùa Vĩnh Khánh, xã Bàng Đông, huyện Kiến Thụy, năm 1589.*

16. *Trùng tu Kiến Linh tự bi. Bia chùa Sùng Quang xã Do Nghĩa, huyện Vĩnh Lại, nay thuộc*

huyện Vĩnh Bảo, năm 1563.

17. *Trùng tu Linh Sơn tự bi ký. Bia cầu Thiên Đông, để tại chùa An Lạc, xã Xứ Bái, huyện Thủy Nguyên, năm 1583.*

18. *Trùng tu Thọ Ninh tự bi ký. Bia chùa Quang Khải, xã Đào Yêu, huyện An Dương, năm 1565.*

19. *Tu tạo Bà Đanh tự chi bi. Bia chùa Trúc Am, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, năm 1562.*

20. *Tu tạo Bảo Khánh tự bi. Bia chùa Hà Lâu, xã Đông Minh, huyện Tiên Lãng, năm 1589.*

21. *Vĩnh Khánh tự bi. Bia chùa Hồng Khánh, xã Đốc Hành, huyện Tiên Lãng, năm 1584.*

22. *Vĩnh Khánh tự bi ký. Bia chùa Bảo Khánh, xã Yên Tử Hạ, huyện Tiên Lãng, năm 1583.*

2. Giá trị tư liệu văn bia

2.1. Về Dương Kinh

Các tài liệu lịch sử cho biết, nhà Mạc lấy một chỗ đất ở Hải Dương làm Dương Kinh. Hải Dương được nêu ở đây là đơn vị hành chính thời Lê - Mạc, bao gồm một vùng đất rộng lớn ở phía Đông Thăng Long từ Hải Dương đến Hải Phòng ngày nay. Theo tài liệu văn bia thì, Dương Kinh bao gồm trước hết là làng Cổ Trai, cố hương của Mạc Đăng Dung và các vùng phụ cận, như văn bia Trúc Am (Du Lễ, Kiến Thụy) ghi rằng: "Đất Du Lễ huyện Nghi Dương là thắng địa Dương Kinh vậy". Nhiều văn bia khác dựng trong huyện Nghi Dương cũ và lân cận cho biết rõ hơn vị trí và phạm vi của Dương Kinh. Chẳng hạn, văn bia chùa Dương Tân (huyện Thủy Đường) dựng năm 1589 ghi rằng, "Chùa này phía Bắc giáp nội thị, phía Nam kề với Dương Kinh, đường thông muôn ngã. Hành khách người buôn bán, đi nơi nào cũng tiện, nông phu ra đồng, sĩ tử vào Kinh đều qua chốn này". Như vậy, có nghĩa là, Dương Kinh bao gồm địa dư huyện Nghi Dương nay thuộc huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, mà trung tâm là hương Cổ Trai.

Tại Cổ Trai, nhà Mạc đã cho xây dựng nhiều cung điện, lăng tẩm, nhưng đã bị nhà Lê Trịnh phá hủy vào năm 1593, ngay sau thắng lợi của họ. Hiện tại, khu vực này còn khá nhiều đền chùa với các loại bia đá, tượng Phật và thậm chí cả tượng vua, hoàng hậu, công chúa nhà Mạc.

Là Kinh đô thứ hai, Dương Kinh cũng được

tổ chức theo khuôn mẫu ở Kinh đô. Nếu ở Thăng Long có một trường quốc học giành cho con em quan lại và những học sinh đã được tuyển chọn, thì Dương Kinh cũng có trường học quốc gia giành cho trước hết là con em gia đình hoàng tộc. Tại đây, có chức Hiệu sinh Dương Kinh như một sổ văn bia đã ghi lại, hoặc Hội tư văn hàng huyện như: Hội Tư văn huyện Tân Minh bao gồm gần 200 thành viên - tổ chức của các Nho sĩ nhằm đề cao danh vị nhà Nho và khuyến khích việc học hành thi cử.

2.2. Một số hoạt động kinh tế

a. Cầu đường và mạng lưới giao thông

Tư liệu văn bia cho biết, mạng lưới giao thông thời kỳ này khá mở rộng. Chúng ta biết đến 15 chiếc cầu được xây mới, hoặc tu sửa dưới thời Mạc, trong đó có khá nhiều cầu được dựng ở đất Dương Kinh xưa như: cầu Nguyễn (Hung Hà, Thái Bình) năm 1530, Lỗ Giang (Gia Lộc, Hải Dương) năm 1534, Khê Cốc (Thanh Hà, Hải Dương) năm 1570, Lam Kiều (Tứ Kỳ, Hải Dương) năm 1586, Thiên Đông (Thủy Nguyên, Hải Phòng) năm 1588, Phú Cốc (Thanh Miện, Hải Dương) năm 1588, Diên Thọ (Quỳnh Phụ, Thái Bình) năm 1568, Long Đài (Quỳnh Phụ, Thái Bình) năm 1588...

Những chiếc cầu này nằm trên các trục đường bộ từ Thăng Long đi lên các miền phía Bắc và đi xuống các vùng phía Nam, đặc biệt là đến Dương Kinh - kinh đô thứ hai của vương triều Mạc. Cầu Lỗ Giang (Gia Lộc, Hải Dương) thì "từ phía Đông có thể đến được Dương Kinh, phía Tây qua chùa Bảo Lâm đến Kinh sư"; cầu Phú Cốc thì "nằm trên đường lớn, phía Đông đến Hải Thành (tức Dương Kinh) chừng 10 dặm thẳng đường lớn đến Kinh đô". Cầu Nguyễn (Hung Hà, Thái Bình) bắc qua sông Thần Nông nối đường đi sang phía Đông tới Dương Kinh và lên phía Bắc tới Thăng Long... Số liệu này cho phép thiết lập một sơ đồ mạng lưới giao thông lúc bấy giờ mà qua đó thấy được mạng lưới giao thông dưới thời Mạc được mở mang hầu hết ở miền Bắc của đất nước.

Cầu đường giúp cho người đi lại thuận lợi, nên việc xây dựng, tu bổ chúng được xem như việc làm phúc. Do đó, công việc này được nhiều tầng lớp trong xã hội đương thời tham gia. Trong đó, có sự tham gia của các vị trong Hoàng tộc như Hương Cầm công chúa, Vương phi Nguyễn Thị Ngọc Giao, Cung Nghĩa công

họ Mạc. Việc xây dựng, tu sửa cầu cống cũng được triều đình khuyến khích, như Mạc Đăng Doanh từng ban sắc chỉ cho sửa cầu Nguyễn (Hưng Hà, Thái Bình) và cho mở chợ lại ở đây vào năm 1530.

Hoạt động xã hội cũng nhờ đó mà nhộn nhịp hẳn lên: "Kẻ sĩ về triều, nông phu ra đồng, hành khách qua đường, thương nhân đến chợ, không ai không thấy hết đổi sướng vui, tiện lợi". Điều đó phản ánh đúng hiện thực xã hội thời Mạc ở một số mặt tiêu biểu như giáo dục (kẻ sĩ về triều để học hành, thi cử), sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công và buôn bán...

b. Mở chợ

Chợ thời Mạc được mở ở một số nơi mà tư liệu văn bia cho biết khái lược như: năm 1530, mở chợ Cầu Nguyễn (Hưng Hà, Thái Bình), năm 1542, mở chợ Tứ Kỳ (Tứ Kỳ, Hải Dương), năm 1570, chợ Nghĩa Trụ (Văn Giang, Hưng Yên), năm 1572, chợ Cẩm Khê (Tiên Lãng, Hải Phòng), năm 1579, chợ Hậu Bổng (Gia Lộc, Hải Dương)...

Thời Mạc tuy chưa thấy xuất hiện thị tứ, hoạt động buôn bán ở đô thị chưa hẳn đã sầm uất, song ở các chợ ven đô và chợ làng, không khí hoạt động khá tấp nập. Phần lớn chợ thời kỳ này là chợ làng, lại luôn gắn với chùa làng, như chợ Cẩm Khê (Hải Phòng) ở cạnh chùa Minh Phúc, chợ Hậu Bổng (Hải Dương) bên cạnh chùa Viên Quang... Thông thường, những nơi nào có chùa, nhất là chùa lớn, đại danh lam mà ở đó thường có khách thập phương du lễ và tổ chức lễ hội hàng năm, thì đều có chùa. Trước hết, có lẽ là để phục vụ cho sinh hoạt tín ngưỡng của chùa và cũng có thể địa thế của những ngôi chùa lớn này thuận tiện cho việc mở chợ. Mặt khác những hoạt động thương mại trước đây thường ngày gắn liền với các hoạt động tín ngưỡng. Những người buôn bán luôn thành tâm lễ Thần, Phật, làm công đức để cầu phúc lộc và buôn bán hanh thông. Nhiều văn bia cho biết, không ít người công đức tu bổ chùa Phật, cũng đồng thời công đức mở mang chợ búa. Vì thế, chợ còn được mang tên là chợ phúc hoặc chợ Tam bảo. Đó chính là ước muốn lành mạnh hoá hành vi người buôn bán, cần cầu phúc hơn là chỉ biết kiếm lời bất chính khi kinh doanh¹.

c. Tiền tệ, giá cả

Tiền là một biểu trưng về kinh tế của đương

thời, nên triều đại nào đăng quang cũng đều lập tức đúc tiền ghi danh niên hiệu mình. Nhà Mạc ngoài việc sử dụng tiền đúc, còn dùng vàng, bạc làm tiền tệ giá trị cao. Chẳng vậy mà, rất nhiều người trong Hoàng tộc đã cúng vàng bạc vào chùa, quán... Bà Thái hoàng Thái hậu cúng vào chùa Thiên Phúc 6.000 lạng vàng, riêng chùa Bà Đanh năm 1562, có tới 23 vị trong Hoàng cung cúng bạc, người ít từ 1 lạng, người nhiều đến 10 lạng (*Văn bia thời Mạc*, 114). Mặt khác, thời Mạc đã xuất hiện hai loại tiền là "cổ tiền" và "sử tiền". Hai loại tiền này được duy trì ở thời Lê Trịnh (thế kỉ XVII- XVIII), mà Lê Quý Đôn khi ở Trung Quốc đã giải thích là "ở bản quốc, 36 văn gọi là sử tiền, 60 văn gọi là cổ tiền. Những việc cấp phát công, tư thì dùng sử tiền, còn thu nạp thuế thì dùng cổ tiền" (Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, bản dịch, Sđd., t.3, tr.169). Đơn vị tính tiền là quan, trở xuống là mạch và văn (1 quan có 10 mạch, 1 mạch có 10 văn).

Để cúng vào chùa, người công đức có thể cúng từ vài mạch, thậm chí vài văn. Điều đó chứng tỏ đồng tiền rất có giá trị. Chúng ta không rõ giá cả thời đó thế nào, song giá để tu sửa một tấm bia đá vào năm 1583, là 10 quan; Giá một bình hoa gốm 3 quan, năm 1572, bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ bỏ ra 120 lạng bạc mua 5 mẫu thế nghiệp điền ở làng Đốc Hành (Hải Phòng) do con cháu Phúc Tuy công chúa bán. Giá cả không thật thống nhất, song đồng tiền rất có giá trị và không ít người có khá nhiều tiền.

Đối với bạc thì đơn vị tính là lượng, tiền, trong đó "một lượng bằng 10 tiền (tương đương 37,783 gram)" (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sách dịch, t.2, tr.243). Văn bia ghi lại nhiều vị công đức cúng bạc như vậy, chẳng hạn, trong số những người công đức vào chùa Bà Đanh (Hải Phòng) năm 1562, có Khiêm vương 10 lượng, Lị vương, Thuận vương mỗi người 5 lượng, Vinh quốc phu nhân 9 lượng, 5 tiền, Phúc Nghi thái trưởng công chúa 1 lượng, 8 tiền, Thọ Phương công chúa 2 lượng, 8 tiền, Sùng Quốc công 5 lượng, Văn Quốc công 9 lượng, 5 tiền, Ninh Quốc công 2 lượng, Triều Quận công, Phú Quận công, Ngạn Quận công, Khang Quận công, An Quận công, Vĩ Quận công, Dương Quận công, Tuy Quận công và Thanh Uy hầu mỗi người 1 lượng (*Văn bia*

thời Mạc, 115). Chùa Thiên Phúc (Hải Phòng) năm 1590, có cả thấy 52 người cúng, mỗi người từ 1 đến 2 lượng.

Rõ ràng là, tiền được sử dụng khá rộng rãi, với nhiều loại hình, nhiều cách thức khác nhau. Đồng tiền đã dần dần có thể lực, tác động vào đời sống xã hội và phần nào làm đảo lộn trật tự lễ giáo đương thời. Tuy nhiên, qua đó thấy được một thực tế là, tiền tệ đã tác động đến kinh tế - xã hội. Đây chính là một thời kỳ mở cửa kinh tế mà ở đó sản xuất thủ công và buôn bán khá sôi động.

2.3. Về xây dựng chùa Phật

Chùa Phật ở Việt Nam vốn từng được xây dựng khá nhiều ở thời Lý và thời Trần, nhưng bị huỷ hoại trong thời kỳ chiến tranh và dưới thời đô hộ của nhà Minh, cùng sự lãng quên khi Nhà nước thời Lê Sơ ở thế kỷ XV, chủ trương coi Nho giáo như quốc giáo. Sang thời Mạc, chùa Phật được hồi sinh với hàng loạt công trình kiến trúc được tu bổ, làm mới và bổ sung mà tư liệu văn bia phản ánh khá cụ thể.

a. Người hưng công xây dựng

Việc công đức vào chùa Phật được coi là việc làm phúc đức, nên tham gia xây dựng, tu bổ chùa Phật là công việc của tất cả mọi người. Nhưng chùa gắn với làng, nên trước hết được sự chăm lo của dân làng, nhất là những người xa quê hương xứ sở, lại hiển danh và có điều kiện kinh tế.

Tư liệu văn bia cho biết, các thành viên của Hoàng tộc nhà Mạc tham gia xây dựng và tu sửa hàng loạt ngôi chùa ở Dương Kinh. Chẳng hạn, năm 1562 tham gia xây dựng chùa Thiên Phúc (Kiến Thụy, Hải Phòng) có 33 thành viên trong Hoàng tộc, như "Thái hoàng Thái hậu họ Vũ, Hoàng thái hậu họ Phan, Khiêm Thái vương họ Mạc, Thuận vương họ Mạc, Vị vương họ Mạc, Tĩnh Quốc Thái phu nhân họ Nguyễn, Quốc Thái phu nhân họ Vương, Thọ Phương thái trưởng công chúa họ Mạc, Phúc Thành thái trưởng công chúa họ Mạc, Bảo Gia thái trưởng công chúa họ Mạc, Tu Hoà thái trưởng công chúa họ Mạc, Khiêm Thái vương phi họ Mạc. Thụy Quốc công, Trường Quốc công, Sùng Quốc công, Văn Quốc công, Ninh Quốc công. Đoan Quận công, Lập Quận công, Phú Quận công, Hoa Quận công, Khang Quận công, Tuy Quận công, Triệu Quận công, Ngạn Quận công, Trình Quận công, Lê Quận công. Phù

Quốc hầu, Đông An hầu. Lương Xuyên bá, An Lộc bá. Đặng Thị Hiếu và vị chủ tế họ Nguyễn" (Bia chùa Quang Khánh dựng năm 1572). Năm sau, chùa Bà Đanh (trong huyện) cũng được các vị quý tộc này cúng tiền làm cửa Tam bảo, mỗi người cúng từ 1 đến 10 lượng bạc.

Việc công đức cho chùa không chỉ có các vị quý tộc và quan lại trong triều (như vừa nêu trên) mà còn có cả đương kim Hoàng thượng. Đó là Mạc Mậu Hợp năm 1582, đã cúng 20 lượng bạc vào chùa Hoa Tân (Hải Phòng). Như vậy có nghĩa là, triều đình Mạc không những không hạn chế Phật giáo như thời Lê Sơ, mà còn khuyến khích xây dựng, tu bổ chùa Phật.

Trong số những quý tộc nhà Mạc công đức cho chùa Phật có bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ là người công đức cho nhiều chùa nhất với số tiền, bạc và ruộng đất cúng tiến lớn nhất. Bà đã cúng cả thấy trên dưới 30 mẫu ruộng và 6.000 lá vàng, cùng không biết bao nhiêu bạc, tiền cho trên chục ngôi chùa ở khu vực Dương Kinh và vùng phụ cận². Số liệu này được văn bia ghi lại chưa hoàn toàn phản ánh đầy đủ, song bà quả là một người đã dốc toàn tâm, toàn ý cho công cuộc trung hưng chùa Phật thời kỳ này. Bà từng được dân gian tôn xưng là "mẫu nghi thiên hạ, là vị Phật sống trên trần gian". Vì lẽ đó mà bà được dân làng nhiều nơi tạc tượng thờ mà hiện nay còn thấy ở chùa Minh Phúc (Tiên Lãng) và chùa Thiên Phúc (Kiến Thụy, Hải Phòng).

Bên cạnh bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ, còn có bà Hoàng Thái hậu họ Bùi, Khiêm vương Mạc Kính Điển, Ứng vương Mạc Đôn Nhượng, đặc biệt là vợ chồng Thái bảo Đà Quận công Mạc Ngọc Liên và Phúc Thành Thái trưởng công chúa, tham gia xây dựng hàng chục ngôi chùa và thậm chí trở thành tín đồ của đạo Phật với tên hiệu là Đức Quảng (Mạc Ngọc Liên) và Từ Đức (Phúc Thành Thái trưởng công chúa).

Như vậy là, phần lớn chùa ở Hải Phòng thời Mạc được xây dựng, tu bổ có sự tham gia công đức của các thành viên trong hoàng tộc và quan lại trong triều. Tuy vậy, đây vẫn là chùa làng, do dân làng trông nom hương khói và lo liệu tu bổ, xây dựng.

b. Về Phật điện thời Mạc

Ngoài một số pho tượng Mạc hiện còn được lưu giữ ở một số chùa làng, chúng ta còn biết

được khá nhiều Phật điện Mạc từng có tượng với số lượng, cũng như tên gọi của tượng thờ ở thời kỳ này qua ghi chép trong văn bia. Số chùa có tượng và số lượng tượng thờ đậm đặc nhất cũng là vùng Kiến Thụy, Hải Phòng ngày nay mà trước ngày là trung tâm của Dương Kinh. Trong hệ thống tượng Phật thời Mạc, nổi bật hơn cả là tượng Tam thế. Tuy chỉ có một văn bia nhắc đến tượng Tam thế, song số tượng này hiện còn khá nhiều. Cả thấy có 23 pho ở 8 Phật điện thuộc chùa Hoà Niếu, Trúc Am, Chiêu Tường (Hải Phòng), cùng các ngôi chùa ở địa phương khác.

Trong số tượng thờ này, ngoài hệ thống tượng Phật ra, còn có tượng Ngọc Hoàng cùng thị giả là Nam Tào, Bắc Đẩu, tượng có nguồn gốc của Đạo giáo. Điều quan trọng nữa là tượng Ngọc Hoàng và tượng Quan Âm dường như trở thành phổ biến không chỉ trong Phật điện mà trong cả điện quán của Đạo giáo. Điều đó chứng tỏ sự hoà nhập, đan xen các yếu tố Phật, Đạo trong hoạt động tôn giáo của xã hội đương thời, tạo thành tín ngưỡng dân gian.

Trong các ngôi chùa thời Mạc còn có một loạt tượng Hậu - người có nhiều công đức với chùa làng và được dân làng cúng lễ mãi mãi. Phần lớn các tượng này thuộc về vua, quan và người hoàng tộc nhà Mạc, nên thường gọi là tượng "vương", hay "ông Hoàng". Đó là những tượng vương ở chùa Trung Hành, Nhân Trai, Phúc Linh, Hoà Niếu (Hải Phòng). Tượng vương ở chùa Nhân Trai được truyền ngôn là tượng của Mạc Đôn Nhượng, còn tượng vương ở chùa Trà Phương thì truyền ngôn là của Mạc Đăng Dung mà trên mũ có hình con chim đang bay xuống và trước ngực có hình rồng uốn lượn trên áo bào.

Đình Khắc Thuân: Văn bia thời Mạc ở Hải Phòng

Cùng trong nhóm tượng chân dung, còn có tượng các Bà hoàng, như tượng Thái hoàng Thái hậu họ Vũ và công chúa Mạc Ngọc Lâm.

Tóm lại, văn bia thời Mạc ở Hải Phòng có nội dung tư liệu khá phong phú góp phần nghiên cứu nhiều mặt về kinh tế, văn hóa xã hội thời Mạc ở Hải Phòng nói riêng và Vương triều Mạc nói chung mà bài viết này mới điểm ra đôi điều.

D.K.T

Chú thích:

- 1- Theo Trần Lâm Biền "Diễn biến kiến trúc truyền thống của người Việt" (công trình cấp Bộ) thì, "chợ chùa" là một hình thức phổ biến của một số cư dân Đông Nam Á - "hai mặt" có vẻ đối lập, nhưng thực chất góp phần giữ cân bằng cho tâm hồn nhân thế...
- 2 - Bà đã công đức cho các ngôi chùa sau: Linh Cảm (Tiên Sơn, Bắc Ninh) năm 1577, Thiên Phúc (Kiến Thụy, Hải Phòng) năm 1562, Bà Đanh (Kiến Thụy, Hải Phòng) năm 1563, Thiên Hựu (Nam Sách, Hải Dương) năm 1571, Minh Phúc (Tiên Lãng, Hải Phòng) năm 1572, Bảo Phúc (Yên Hưng, Quảng Ninh) năm 1572, Sùng Ân (Phù Cừ, Hưng Yên) năm 1574, Phổ Chiếu (Kiến Thụy, Hải Phòng) năm 1579, Thánh Thọ (Bình Giang, Hải Dương) năm 1579, Ming Quang (Gia Lộc, Hải Dương) năm 1579, Hoa Tân (An Lão, Hải Phòng) năm 1582, Linh Sơn (An Lão, Hải Phòng) năm 1583, Báo Ân (Phù Cừ, Hưng Yên) năm 1584, Sùng Quang (Vĩnh Bảo, Hải Phòng) năm 1578, Trúc Am (Kiến Thụy, Hải Phòng) năm 1589, và Hà Lâu (Tiên Lãng, Hải Phòng) năm 1589. Đình Khắc Thuân, *Văn bia thời Mạc*, KHXH, H.1996, Tr.81, 114, 149, 156, 157, 169, 187, 188, 195, 211, 217, 235, 239, 245, 289 và 297.

EPITAPHS FROM THE MAC DYNASTY IN HẢI PHÒNG (PROF. DR. ĐÌNH KHẮC THUÂN)

Researching on the existing Mac's epitaphs (in the 16th century), the author provides an overview of the Mac Dynasty and its relations to the contemporary history and culture. The article also discusses of Dương Kinh (the second capital of the Mạc), commercial economy development and the reinstatement of Vietnamese Buddhist architecture.